

## GIAO LƯU VĂN HÓA GIỮA VIỆT NAM VÀ TRIỀU TIÊN THẾ KỶ XVI – XVIII

Nguyễn Thị Thu Thủy<sup>1</sup> và Nguyễn Thị Hồng Vân<sup>2</sup>

<sup>1</sup> *Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*

<sup>2</sup> *Trường THCS và THPT Marie Curie, Hà Nội*

**Tóm tắt.** Việt Nam và Triều Tiên tuy ngăn cách về địa lý nhưng do cùng tiếp nhận ảnh hưởng của văn minh Trung Quốc nên từ góc độ lịch sử - văn hóa, Việt Nam và Triều Tiên đã có những giao lưu khá sớm, đặc biệt là những trao đổi về văn hóa. Trong đó, các cuộc gặp gỡ của các sứ thần Việt Nam và Triều Tiên trên đất Trung Hoa là mối lương duyên quan trọng thúc đẩy giao lưu và hiểu biết văn hóa của hai nước. Bên cạnh đó, việc cùng chịu ảnh hưởng của văn minh Trung Hoa và ràng buộc về quan hệ triều cống với các triều đại quân chủ ở Trung Hoa khiến cho Việt Nam và Triều Tiên có nhiều mối tương thông về lịch sử và văn hóa. Bài viết này tìm hiểu giao lưu văn hóa giữa Việt Nam và Triều Tiên thông qua các cuộc tiếp xúc, gặp gỡ và xướng họa thơ văn của sứ thần Việt Nam và Triều Tiên trên đất Trung Hoa. Những hoạt động giao lưu văn hóa được biểu hiện cụ thể thông qua: giao lưu thơ, văn giữa các sứ thần; trao đổi về chế độ chính trị, lịch sử, địa lí, phong tục tập quán; giới thiệu bức tranh thiên nhiên của hai nước,...

**Từ khóa:** giao lưu văn hóa, Việt Nam, Triều Tiên.

### 1. Mở đầu

Việt Nam và Triều Tiên tuy ngăn cách về địa lý nhưng do cùng tiếp nhận ảnh hưởng của văn minh Trung Quốc nên từ góc độ lịch sử - văn hóa, Việt Nam và Triều Tiên đã có những giao lưu khá sớm, đặc biệt là những trao đổi về văn hóa. Trong đó, các cuộc gặp gỡ của các sứ thần Việt Nam và Triều Tiên trên đất Trung Hoa là một trong những hoạt động quan trọng thúc đẩy giao lưu và hiểu biết văn hóa của hai nước. Nghiên cứu về mối quan hệ giữa Việt Nam và Hàn Quốc dù được quan tâm, nhất là kể từ khi Việt Nam và Hàn Quốc chính thức đặt quan hệ ngoại giao vào năm 1992, nhưng nghiên cứu về quan hệ giao lưu văn hóa giữa Việt Nam và Triều Tiên ở Việt Nam cho đến nay vẫn còn tương đối khiêm tốn về số lượng. Có thể kể đến một số công trình tập trung viết về giao lưu văn hóa, như: *Một số tư liệu về việc giao lưu văn hóa giữa Việt Nam và Triều Tiên* (Trần Văn Giáp, 1969) [4]; *Giao lưu văn hóa Trung Quốc, Nhật Bản, Korea, Việt Nam trong tiến trình lịch sử* (Nguyễn Văn Hồng, 2003); *Quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc trên lĩnh vực văn hóa, giáo dục từ 1992 đến nay* (Nguyễn Văn Dương, 2009); *Quan hệ Việt - Triều: Từ góc độ lịch sử - văn hóa* (Trần Trọng Dương, 2012); *Việt Nam và Hàn Quốc: Những điểm gặp gỡ trong quỹ đạo lịch sử* (Hồ Tài Tuệ Tâm, 2020),... Cũng có công trình tổng kết lại những thành tựu nghiên cứu về giao lưu văn hóa trong một giai đoạn như *Sự tiếp xúc giao lưu văn hóa Việt Nam – Hàn Quốc thời trung đại: Những thành tựu nghiên cứu mới* (Lý Xuân Chung, 2008).

Chủ đề nghiên cứu được các tác giả tập trung nhiều nhất là các cuộc tiếp xúc, gặp gỡ và

---

Ngày nhận bài: 2/7/2022. Ngày sửa bài: 29/7/2022. Ngày nhận đăng: 7/8/2022.

Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Thu Thủy. Địa chỉ e-mail: [thuynnt@hnue.edu.vn](mailto:thuynnt@hnue.edu.vn)

xướng họa thơ văn đi sứ của sứ thần Việt Nam và Triều Tiên trên đất Trung Hoa với các tác giả Lý Xuân Chung [1], [2], [3], Nguyễn Minh Tường [11], [12]; Trịnh Khắc Mạnh, Nguyễn Đức Toàn [5], [6]; Nguyễn Đức Nhuê [7], Nguyễn Minh Tân [9], [10],... Đặc biệt, tác giả Lý Xuân Chung còn có một luận án tiến sĩ *Nghiên cứu đánh giá thơ văn xướng họa của sứ thần hai nước Việt Nam và Hàn Quốc* (2009) [1]. Các cuộc tiếp xúc gặp gỡ và xướng họa thơ văn đi sứ của sứ thần Việt Nam và Triều Tiên là chứng cứ lịch sử quan trọng của hoạt động giao lưu hai nước Việt Nam và Triều Tiên thời trung đại.

Có thể thấy, các bài viết nêu trên đã bước đầu đề cập đến giao lưu văn hóa giữa Việt Nam và Triều Tiên trong lịch sử, trong đó đặc biệt chú trọng đến các cuộc gặp gỡ và xướng họa thơ văn của sứ thần Việt Nam và Triều Tiên. Tuy vậy, những hoạt động giao lưu văn hoá thể hiện cụ thể trên các phương diện nào thì chưa được đi sâu nghiên cứu. Trên cơ sở nguồn tư liệu về các cuộc gặp gỡ và xướng họa thơ văn của sứ thần Việt Nam và Triều Tiên trong các thế kỉ XVI – XVIII trên đất Trung Hoa, bài viết này tập trung giới thiệu biểu hiện của giao lưu văn hóa giữa Việt Nam và Triều Tiên trên các khía cạnh: hoạt động giao lưu thơ, văn của sứ thần; giới thiệu và tìm hiểu thiên nhiên, đất nước và con người của nước bạn; tìm hiểu về phong tục, tập quán và những đồng điệu về tư tưởng “đồng văn, đồng đạo, đồng quy” qua trao đổi giữa sứ thần hai nước.

## 2. Nội dung nghiên cứu

Thời kì trung đại, Việt Nam chưa có quan hệ ngoại giao với Triều Tiên mà chỉ có những cuộc gặp gỡ giữa sứ thần hai nước khi đi sứ Trung Hoa. Khi ấy tại Yên Kinh (nay Bắc Kinh, Trung Quốc), sứ thần các nước Việt Nam, Triều Tiên ở công quán. Những ngày không vào châu họ thường gặp gỡ, trao đổi và trở thành bạn xướng họa thơ văn. Vì vậy, giao lưu văn hóa giữa Việt Nam và Triều Tiên trong các thế kỉ XVI – XVIII thông qua nội dung các cuộc gặp gỡ và xướng họa thơ văn của sứ thần Việt Nam và Triều Tiên.

Trong các thế kỉ XVI – XVIII sứ thần Việt Nam và Triều Tiên có tổng cộng 9 lần gặp gỡ. Cuộc gặp gỡ đầu tiên vào năm 1597 giữa sứ thần Phùng Khắc Khoan (Việt Nam) và sứ thần Lý Tuý Quang (Triều Tiên) và cuộc gặp gỡ cuối cùng là giữa Phan Huy Ích (Việt Nam) và Từ Hạo Tu (Triều Tiên) năm 1790.

**Bảng 1. Các cuộc gặp gỡ của sứ thần Việt Nam và Triều Tiên trên đất Trung Hoa có thơ văn xướng họa**

STT	Sứ thần Việt Nam	Sứ thần Triều Tiên	Năm đi sứ
<b>Thời Lê Trung Hưng (1533 – 1778)</b>			
1	Phùng Khắc Khoan	Lý Tuý Quang, Kim Hoa Dật Sĩ, Lý Hảng Phúc, Thôi Lạp, Xa Thiên Lộc, Trịnh Sĩ Tín, Lý Tuấn, Lý Thượng Nghị.	1597
2	Nguyễn Đăng và Lưu Đình Chất	Lý Đầu Phong	1613
3	Hà Tông Mục	Lý Thạnh	1702
4	Nguyễn Công Hãng	Du Tập Nhất, Lý Thế Cẩn	1718
5	Lê Quý Đôn	Hồng Khải Hy, Lý Huy Trung	1760
6	Vũ Huy Đỉnh, Đoàn Nguyễn Thục	Doãn Đông Thăng, Lý Trí Trung	1771
7	Hồ Sĩ Đống và Nguyễn	Lý Quang, Trịnh Vũ Thuận, Doãn	1777

	Trọng Dương	Phùng	
<b>Thời Tây Sơn (1778 – 1802)</b>			
8	Nguyễn Đề	Lý Hanh Nguyên	1789
9	Phan Huy Ích, Vũ Huy Tấn, Đoàn Nguyễn Tuấn	Từ Hạo Tu, Lý Bách Hanh, Phác Tề Gia	1790

Nguồn: [6; 38–39–40]

Thông qua các cuộc gặp gỡ và xướng họa thơ văn giữa các sứ thần Việt Nam và Triều Tiên trên đất Trung Hoa, có thể thấy nội dung giao lưu văn hóa giữa hai nước trong các thế kỉ XVI – XVIII thể hiện trên một số khía cạnh sau đây:

### 2.1. Giao lưu văn, thơ giữa các sứ thần

Các sứ thần Việt Nam và Triều Tiên trên hành trình đi sứ Trung Hoa họ đã có cơ hội gặp nhau, trao đổi xướng họa thơ văn. Trong 9 lần xướng họa thơ văn cùng nhau, có 2 lần sứ thần Việt Nam đã kết tình giao hảo văn chương bằng việc nhờ sứ thần Triều Tiên bình phẩm, thêm lời Tựa cho tác phẩm của mình.

Đầu tiên đó chính là cuộc tao ngộ giữa sứ thần Phùng Khắc Khoan với sứ thần Lý Tuý Quang và Kim Hoa Dật Sĩ năm 1597.

Tính đến năm 1597, về tuổi đời, Phùng Khắc Khoan gấp đôi Lý Tuý Quang, nhưng về mặt văn chương thơ phú, Phùng Khắc Khoan rất tôn trọng vị sứ thần tài hoa này. Sau khi làm xong tập thơ *Vạn thọ khánh hạ thi tập* chúc thọ vua Minh, Phùng Khắc Khoan “nhờ ơn cây bút lớn phủ chính và viết cho lời Tựa”. Lý Tuý Quang đọc tập thơ của Phùng Khắc Khoan, ông không chỉ khâm phục một tài năng lỗi lạc của Đại Việt dù tuổi đã cao nhưng vẫn đi sứ đường xa để hoàn thành nhiệm vụ dân tộc mà còn thể hiện sự mến trọng trước văn chương thơ phú của Phùng Khắc Khoan. Lý Tuý Quang đã dành lời khen cho Phùng Khắc Khoan và văn thơ của ông như sau: “Ngày nay có ngài sứ thần họ Phùng, đầu tóc bạc phơ, thân hình rần rỏi. Tuổi 70 mà dung nhan vẫn còn tươi tốt, đường đi xa qua ba lần phiên dịch mà chân bước không mệt. Xem lễ nhạc triều Minh, làm ngoại giao lợi cho đất nước. Ngài có soạn tập thơ *Vạn thọ khánh hạ* gồm 31 thiên. Lời thơ du dương, ý tứ hồn hậu, đủ để gọi là phun châu nhả ngọc mà tiếng vàng tiếng đá ngân nga, há chẳng phải là bậc dị nhân hay sao” [6; 319].

Sự hiểu biết trao đổi văn chương giữa hai sứ thần đó quả thực là tấm gương tác gia lớn cho học giả hai nước đời sau.

Lần viết lời tựa thứ hai là vào năm 1760, 1761. Trong chuyến đi sứ lần này, Lê Quý Đôn đã mang theo hai bộ sách *Quần thư khảo biện*, *Thánh mô hiển phạm lục* do ông viết để thảo luận với sứ thần Triều Tiên và sĩ phu Trung Quốc. Sứ thần Triều Tiên là Hồng Khải Hy viết lời Tựa cho cuốn *Quần thư khảo biện* của Lê Quý Đôn: “Một hôm, ông đưa cho tôi xem sách *Quần thư khảo biện* do ông soạn. Bộ sách đã khảo cứu và bàn luận về sử sách các đời giống như sách *Chí lâm* của Pha Ông, sách *Hướng ngôn* của Mông Tâu. Trên dưới mấy ngàn năm, cái này được cái kia mất, ai giỏi ai kém, như thế này thì yên, như thế kia thì nguy, không chỗ nào là ông không xem xét suy tính đến. Chỗ thì lật ngược lại những án cũ, chỗ thì vạch ra những lời bàn sai lầm đã qua nhiều đời. Kiến thức tinh tế, lý giải diệu kì nổi bật trên các hàng chữ. Đoạn bình luận về các học thuyết của họ Chu, họ Lục mà ông nêu ra ở cuối sách cho thấy được học thuật của ông thuần chính, lời văn của ông nhẹ nhàng thuận lẽ như gió lướt trên mặt nước, không chút gò bó trói buộc gì cả. Thực chỉ ném một miếng cũng đủ thấy vị ngon của cả nồi thức ăn rồi” [6; 359].

Lý Huy Trung cũng đọc sách này, trong thư ngắn viết cho Lê Quý Đôn có nhận xét: “May mắn được xem bộ sách *Quần thư khảo biện*, tôi kính cẩn đọc hết từ đầu đến cuối. Đúng là tất thảy đều là lời hay lý thuận được viết ra từ những suy nghĩ và nhìn nhận sáng suốt, làm gương soi, làm

mực thước cho đại thể. Thật không kém gì lời bàn của các danh nho đất Mân đất Lạc. Nước Nam không có bậc quân tử thì sao có người tài giỏi như thế? Đáng khâm phục thay!” [6; 366].

Không chỉ trân trọng tài năng mà viết lời Tựa, trong các cuộc gặp gỡ, sứ thần Việt Nam và Triều Tiên cũng có những vãn thơ trao đổi tìm hiểu về phong cách văn chương nước bạn. Sứ thần hai nước đã dùng những vãn thơ đẹp để khen ngợi, nhận xét về văn chương của nhau.

Trong cuộc gặp gỡ năm 1718, sứ thần Việt Nam là Nguyễn Công Hãng đã hoạ với sứ thần Triều Tiên là Lý Thế Cẩn và Du Tập Nhất là:

*Văn chương phong cốt theo lối Tam đại,  
Học thuyết nghĩa lý giữ nguyên tục Cửu trù.* [6; 185]

Văn chương theo học đời Tam đại là ba đời văn chương rực rỡ của Trung Quốc là Hán, Đường và Tống. Cửu trù theo Thiên Hồng Phạm, tương truyền là lời của Cơ Tử, ông tổ của dân tộc Triều Tiên.

Trong các lần xướng hoạ thơ, sứ thần Triều Tiên cũng tỏ ý khen ngợi văn chương của sứ thần Việt Nam.

Trong cuộc gặp gỡ năm 1718 với sứ thần Nguyễn Công Hãng (Việt Nam), sứ thần Du Tập Nhất (Triều Tiên) đã dành lời khen cho thơ văn của Nguyễn Công Hãng như sau: “*Từ đàn thanh giá trọng song nam (Trên văn đàn tiếng tăm của ngài còn nặng giá hơn vàng song nam)*” [6; 194]. Lý Thế Cẩn đọc thơ của Nguyễn Công Hãng viết rằng: “Tay cầm ngọc đẹp ngắm nghĩa thường ngoạn hồi lâu/ Ông đã nổi tiếng trên văn đàn, được cả hai nước tôn trọng” [6; 194].

Lý Hanh Nguyên (Triều Tiên) trong cuộc gặp với sứ thần Việt Nam Nguyễn Đề năm 1789 cũng xướng thơ: “*Thơ xướng thù từ ngữ còn vụng, lúc nào cũng thấy thẹn về điều ấy./ Về mới thu thập lại những chương ngọc ấy dính thành tập./ Lưu để làm một chuyện vui với người nước ở phương nam*” [6; 200].

Sự hiểu biết lẫn nhau về đất nước, con người, văn chương, học thuật của sứ thần Việt Nam và Triều Tiên tuy chưa phải đã thấu đáo nhưng quý ở lòng chân thành, coi nhau như những người bạn tốt, chia sẻ, trân trọng lẫn nhau qua những lời vãn, vãn thơ. Đúng như Lý Bách Hanh viết: “*Sở quý chân tình ngôn tại ngoại/ Luận giao đoan hợp bất cầu cam*” (Điều quý là ở sự chân tình, ý tại ngôn ngoại/ Bàn luận hợp nhau, không cần ngọt ngào màu mè). [6; 258]

## 2.2. Giới thiệu trao đổi về đất nước, thiên nhiên và con người hai nước

Bút đàm thơ văn không chỉ học hỏi văn chương của nhau mà qua đó sứ thần hai nước còn trao đổi sự hiểu biết về vị trí cương vực lãnh thổ quốc gia. Sứ thần Kim Hoa Dật Sĩ của Triều Tiên đã nhận xét về chủ quyền nước Việt như sau:

*An Nam phong tục tự xưa thành một nước,  
Vua tôi vẫn theo học thánh đạo của tiên vương.  
Đất đai sông núi riêng một thế giới,* [6; 121]

Trong một bài vãn đáp khác, Phùng Khắc Khoan và Lý Túy Quang cũng có sự trao đổi kỹ lưỡng hơn về nước Đại Việt. Theo đó, nước Việt ở phía Đông Nam châu Á cách Nhật Bản bằng đường biển rất xa, cách Vân Nam – Trung Quốc qua nhiều ngọn núi non trùng điệp.

*Hỏi: Thế quý quốc đất vuông chừng bao nhiêu dặm?  
Đáp rằng: Nước tôi đất vuông hơn năm nghìn dặm.  
Hỏi: Vậy quý quốc cách vùng đất Vân Nam mấy dặm?  
Đáp rằng: Cách núi non nghìn trùng, mà tiếp giáp chỉ một phía thôi.  
Hỏi: Vậy thì cách các nước Lưu Cầu, Nhật Bản bao nhiêu dặm?  
Đáp rằng: Cách đường biển, xa lắm không rõ bao nhiêu.  
Hỏi: Xưa Mã Phục Ba dựng cột đồng ở chỗ nào?*

*Đáp rằng: Xưa truyền là ở đỉnh Mai Lĩnh. Nay không còn nữa.* [6; 329–330]

Qua đoạn hỏi đáp giữa Lý Túy Quang và Phùng Khắc Khoan, có thể thấy, Việt Nam đã là một quốc gia riêng, có sông núi riêng biệt. Thời điểm Lý Túy Quang đối đáp với Phùng Khắc Khoan là vào thế kỉ XVI và ông cho rằng núi sông văn vật ấy là chủ quyền của vua Lê, tách riêng biệt với vùng Hoa Hạ của Trung Quốc.

Sứ thần Triều Tiên am hiểu địa lý Việt Nam như vậy, vì thế mà sứ thần Việt Nam tỏ ra cảm mến đối đãi lại là sự hiểu biết của ta về nước bạn. Triều Tiên ở phía đông, xưa cũng gọi là Đông Hàn. Phùng Khắc Khoan họa tặng sứ thần Lý Chi Phong để tỏ cái tình đồng sứ:

*Nước ở vùng Đông Hàn đã sẵn từ muôn thuở,*

*Phong cương liền kề miền Bắc Ké.*

*Là nước vùng xa xôi về nơi cõi thọ* [6; 143]

Không chỉ là sự trao đổi về vị trí nước mình, nước bạn mà sứ thần hai nước còn hỏi thăm thời tiết khí hậu của nhau.

Kim Hoa Dật Sĩ của Triều Tiên viết về khí hậu Việt Nam: *Thời tiết thì không có tuyết rơi, quần áo vừa phải* [6; 189]. Hay qua những buổi trò chuyện với Phùng Khắc Khoan, Lý Túy Quang biết được rõ thiên nhiên, khí hậu nước Việt:

*“Hỏi: Ở quý quốc mùa đông ấm như mùa xuân, không có băng không có tuyết phải chăng?*

*Đáp rằng: Nước Nam chúng tôi tiết xuân nhiều tiết đông ngắn”.* [6; 329]

Trong bài thơ viết gửi cho sứ giả Triều Tiên là Hồng Khải Hy, Triệu Vĩnh Tiên, Lý Huy Trung, Lê Quý Đôn lồng xen vào đó sự so sánh đối chiếu để khẳng định thiên nhiên đất nước Việt Nam cũng có nhiều danh thắng ngang tầm với Triều Tiên:

*Bến Đông biển cả mỗi nơi mỗi phương,*

*Đều rảo đến đất Bắc để xem ánh sáng;*

*Núi Tản Viên phẳng phất giống nét thanh tú của núi Tùng Sơn,*

*Sông Áp Lục đã cùng với chiều dài của sông Nhị thủy.* [12; 11]

Nếu như Triều Tiên tự hào vì có núi Tùng sông Áp thì Việt Nam cũng có Núi Tản sông Lô, núi lớn, sông dài.

Với cảnh đẹp của Việt Nam và hơn nữa qua tài liệu chép trong sách cổ Trung Quốc, sứ thần Triều Tiên biết được vùng đất phương Nam có nhiều tài nguyên quý báu. Vì vậy, Lý Túy Quang đã ca ngợi thiên nhiên sản vật Việt Nam như sau: *“Tôi nghe nói đất Giao Châu, ở tận cực nam, ở đây có lắm vàng ngọc, đá quý, ngà voi, sừng tê giác quý lạ. Đây là vùng ấy có cái khí tinh anh tốt lành được đặc biệt chung đúc nên như thế, do thế mà sản sinh lắm bậc dị nhân ở đây, thế thì khá không phải là báu vật độc nhất đó sao!”* [6;364]

Năm 1790, sứ thần Việt Nam là Phan Huy Ích đã đối đáp với sứ thần Từ Hạo Tu (Triều Tiên), Từ Hạo Tu có đoạn hỏi về các loài thực vật ở đất Nam:

*“Tôi hỏi: Các loại Hoắc hương, Nhục quế. Là những sản phẩm quý của nước các ngài có phải không?*

Họ Phan đáp: Hoắc hương thì ở vùng Quảng Tây mới là tốt. Còn Nhục quế thì là sản vật nước tôi, đúng là tốt. Nhưng hái quế phải ở vùng Thanh Hoá. Nhưng gần đây chiến tranh nhiều. Rừng quế trong nước đều là nơi bị giày xéo, tuyệt rất khó có loại tốt nữa”. [6;373].

Chi hương, bạch tuyến hương cũng là một trong những sản vật quý của Việt Nam mà quan lại ngày xưa thường dùng. Bạch tuyến hương là nén hương nhỏ, mùi thơm gay gắt, còn chi hương là một thứ đã nấu thành cao, dùng để xoa lên mặt và mình thì cả ngày đều rất thơm. Bởi vậy mà khi nhờ sứ thần Lý Túy Quang viết lời Tựa cho tập thơ của mình, Phùng Khắc Khoan đã tặng chi hương, bạch tuyến cho họ để tỏ lòng chân thành.

Không chỉ Việt Nam mà Triều Tiên cũng có thực vật quý như nhân sâm, linh chi. Điều đó

đã được sứ thần Nguyễn Đăng viết lên trong bài hoạ của mình với sứ thần Lý Đầu Phong của Triều Tiên năm 1613:

*Vùng đất Liêu sản sinh lắm loại cỏ thân, mọc thành bụi.  
Có thể dùng làm phương thuốc chữa bệnh cho nước, mạch lý thông,  
Điều hoà thuốc tiên để giữ được tuổi xuân.  
Giúp sống lâu, tóc bạc mà dung nhan đẹp như thanh niên. [5; 6]*

Không chỉ tìm hiểu về thiên nhiên và sản vật của nhau, qua các buổi trò chuyện, sứ thần Việt Nam và Triều Tiên còn đề cập đến các ngành nghề kinh tế của hai nước.

Trong cuộc tiếp xúc, gặp gỡ giữa Phùng Khắc Khoan và Lý Túy Quang, Lý Túy Quang đã xác nhận nội dung liên quan đến việc chăn nuôi tơ tằm nước Việt:

*“Hỏi: Ở quý quốc có lúa chín hai vụ, có tơ tằm nuôi tám lứa. Có thật không?  
Đáp: Năm có lúa chín hai vụ, có tơ tằm tám lứa vậy.” [6; 330]*

Qua việc trò chuyện với Phùng Khắc Khoan, Lý Túy Quang đã biết được sự phát triển của nghề nông trồng lúa nước ở An Nam, Việt Nam vốn là nước nông nghiệp, một năm trồng hai vụ lúa, tám lứa nuôi tằm lấy tơ.

Viết về đất nước mình, Phùng Khắc Khoan khi hoạ thơ Lý Túy Quang đã khẳng định cuộc sống ổn định, con người sống ngay thẳng, sống hiền hoà với thiên nhiên, ở chốn thôn quê đã có trường học dạy chữ nghĩa, có trao đổi buôn bán rượu:

*Cõi Việt xưa cuộc sống đã ổn định,  
Ngay thẳng giữa trời không thay đổi.  
Đời Chu còn khắp rừng phải xua hổ báo,  
Đời Ngu giáo hoá tự tại như cá lội, chim bay.  
Chốn quê thôn mở trường dạy học,  
Nơi đài cắm cờ có thuyền tụ mua bán rượu. [6; 117-118]*

Không chỉ nói về nước mình, Phùng Khắc Khoan cũng đã hoạ thơ sứ thần Triều Tiên để ca ngợi đất nước Triều Tiên đã sinh ra những bậc anh tài lừng danh thiên hạ:

*Vùng Hải Đông xưa là chốn quê hương của giống rồng,  
Sản sinh bậc anh tài có thể giúp vua.  
Tài cao tám đầu danh vọng như Tào Tử Kiến,  
Một thiên chính luận cương quyết như Đỗ Hoàng Thường [6; 120]*

Không những vậy, Phùng Khắc Khoan còn tặng Lý Chi Phong thơ để tỏ cái tình đồng sứ, thể hiện được sự hiểu biết của sứ thần Việt Nam về cuộc sống của con người Triều Tiên:

*Có biển xanh chảy quanh, nước sông luôn lưu chuyển.  
Dáng vẻ đẹp đẽ, con người cũng tuấn tú,  
Giữ đạo trung hoà, khá có thể thiên nghiêng.  
Đất vùng chất phác, nhà cửa đẹp đẽ,  
Bến mê thuyền sơn vẽ tấp nập.  
Nhà nhà tụng học nghiệp dòng Thi Thu,  
Món ngon quý nghe còn thòm thềm.  
Sự lễ nhạc đến nay vẫn còn hưng thịnh,  
Dòng văn chương cũng tươi đẹp tự xưa.  
Nghìn năm nhờ ơn thánh hoá,  
Trăm họ an nhàn mà ngủ yên lành.  
Tục tốt còn truyền có Cơ Phạm,*

*Tiếng hay còn rạng rỡ trên sử sách.  
Muốn biết được sự văn vật tươi đẹp đó,  
Cảnh vật cũng miền Hoa Hạ của Trung Quốc vậy [6;157].*

Có thể nói, thiên nhiên trong thơ đi sứ vừa là khách thể thẩm mỹ vừa là đối tượng để chủ thể trữ tình bộc lộ những cảm xúc chân thực của lòng mình. Họ đã góp thêm tiếng nói khẳng định tình yêu thiên nhiên, cuộc sống đất nước mình và hứng thú trước những miền đất mới lạ. Những vần thơ xướng họa, trao đổi về đất nước, thiên nhiên và con người của Việt Nam và Triều Tiên cũng là minh chứng quan trọng của giao lưu văn hoá Việt Nam và Triều Tiên trong các thế kỉ XVI – XVIII.

### 2.3. Trao đổi về phong tục tập quán hai nước

Trong những lần xướng họa thơ văn của sứ thần hai nước, sứ thần Việt Nam và Triều Tiên cũng cùng chia sẻ phong tục, tập quán, tín ngưỡng của hai nước với nhau.

Sứ thần Triều Tiên cũng tỏ ra rất am hiểu về phong tục người Việt như nhuộm răng đen, tóc bện, trang phục, cách ăn uống, ngôn ngữ và cả khoa cử.

Trong cuộc gặp gỡ năm 1597, sứ thần Triều Tiên Lý Túy Quang cũng cho thấy sự am hiểu phong tục Việt. Đất phía Nam (chỉ Đại Việt – TG chú) là nơi nóng nực nên từ xa xưa lấy lá cây rừng làm quần áo xiêm y:

*Vùng đất nam rộng xa xăm là nơi nóng nực,  
Đến nay vẫn còn nhớ phong tục lấy lá cây làm xiêm y. [6;101]*

Trong một bài nhật kí hành trình đi sứ với sứ thần An Nam, Kim Hoa Dật Sĩ đã nói những điều quan sát về lối sống hàng ngày của đoàn sứ thần An Nam như sau: “Sứ thần họ Phùng tên là Khắc Khoan, tự hiệu là Nghi Trai, tuổi đã hơn bảy mươi. Hình dung rất quái lạ, răng đen, tóc búi, áo dài, tay áo rộng. Dùng khăn đen vấn đầu như khăn nhà sư vậy. Để mái tóc rủ ra sau xuống đến quá vai. Người tuy tuổi cao mà tinh lực còn mạnh mẽ lắm. Thường hay đọc sách ghi chép không ngừng. Gặp khi triều hội đến nơi cửa khuyết, thì lại búi tóc đội khăn giống y như phục sức của thiên triều, nhưng xem sắc mặt có vẻ bút rút nhăn nhó khó coi. Về nhà thì cởi bỏ ngay. Một đoàn có hai mươi ba người, đều búi tóc cả.” [6; 322].

Mặc dù Việt Nam và Triều Tiên là những nước xa xôi cách trở về địa lý, nhưng qua việc tìm hiểu, quan sát cuộc sống hàng ngày của đoàn sứ thần Đại Việt thì các sứ thần Triều Tiên đều nhận ra được lối trang phục xiêm y của người Việt khi ở nhà và khi lên tiếp triều, đi cùng với lối trang phục đó là việc người Việt bện tóc.

Bên cạnh đó, nhiều phong tục khác của Việt Nam được sứ thần Triều Tiên Kim Hoa Dật Sĩ nhắc đến trong bài Hậu của mình. Trong quá trình ở chung dịch quán với đoàn sứ thần Việt Nam là Phùng Khắc Khoan, ông đã thấy những phong tục nhuộm răng đen, đi chân trần, tóc tai, cách ăn uống, luyện múa kiếm và cả ngôn ngữ của người Việt: “Người sang thì nhuộm răng đen, người dưới thì mặc áo ngắn, đi chân không, dù tiết tháng đông cũng để chân trần không bao bít tất. Đại khái do tục người ta như thế. Chỗ họ nằm thì phải có giường, nhưng không có bếp ủ ấm để sưởi. Cách ăn uống thì giống như người Hoa nhưng không tinh khiết bằng. Quần áo thì nhiều lụa, không có đồ gấm thêu hay đồ bông sợi. Hình dáng họ thì đều vóc dáng nhỏ, mắt sâu, có người hình giống như người vượn vậy. Tính nết thì rất ôn thuận. Cũng biết chữ nghĩa, thích tập múa kiếm. Mà phép tắc thì khác với sách Lý hiệu tân thư. Muốn sai quân quan đến học mà họ giấu không dạy. Ngôn ngữ của họ như tiếng người Oa mà dùng hợp thanh môi. Trong đám họ, thông hiểu tiếng Hán chỉ có một người để phiên dịch hoặc là hiểu biết nhau bằng văn tự vậy. Tục người nước ấy viết chữ thì nét chữ rất lạ, gần như không thể nào hiểu được”. [6;322–323].

Bài họa trên của Lý Túy Quang đã phần nào phản ánh được một số nét văn hoá của người Việt đầu thời Lê Trung Hưng. Qua đây ta biết được nhiều điều về hình dáng, tính cách, cách ăn ở, phong tục nhuộm răng, tính hiếu học của sứ thần Việt Nam nói riêng, người Việt nói chung ở

cuối thế kỉ XVI. Đây đồng thời là nguồn tư liệu để khắc hoạ lại chân dung Phùng Khắc Khoan.

Sứ thần Đoàn Nguyễn Thục lại khẳng định nét đẹp nhất trong văn hóa phong tục của người Việt đó là từ xưa tới nay người Việt luôn mong muốn xây dựng và gìn giữ mối quan hệ hòa bình hữu nghị với các nước láng giềng: “*Điền Việt do lai lân hảo cừ*” (Đất Việt xưa nay vốn là láng giềng tốt).

Có thể thấy, những phong tục tập quán, lối sống hàng ngày của người Việt Nam, được các sứ thần Triều Tiên quan sát tỉ mỉ, ghi chép lại và trao đổi cùng sứ thần Việt Nam. Điều đó góp phần giới thiệu những đặc trưng văn hoá, lối sống của người Việt đến gần gũi hơn với nhân dân Triều Tiên. Trước sứ thần Triều Tiên, các sứ thần Việt Nam đều khẳng định đất nước Việt Nam có nền văn hiến lâu đời, có phong tục tập quán riêng, có chủ quyền quốc gia và độc lập dân tộc.

#### 2.4. Đồng điệu về tư tưởng “đồng văn, đồng đạo, đồng quỹ”

Trong những lần gặp gỡ, xướng hoạ thơ văn trên đất Trung Hoa, sứ thần Việt Nam và Triều Tiên còn cho thấy sự đồng điệu về tư tưởng “đồng văn, đồng đạo, đồng quỹ”.

Trong bài thơ đề tặng sứ thần Triều Tiên là Triệu Bình Cảo, Kim Hữu Uyên và Nam Đình Thuận năm 1868, Nguyễn Tư Giản đã nói một cách khái quát về sự giao lưu văn hoá, tương đồng văn hoá bằng “tam đồng” (đồng văn (văn tự), đồng quỹ (cùng giống chế độ, y quan), đồng đạo (đạo Nho)) để thể hiện sự thống nhất và quan hệ lâu dài giữa hai quốc gia:

*Xa xôi cách biệt, biển đông với biển nam,  
Gặp nhau hội ngộ giữa vùng đất Yên Kế này.  
Tiếp cửa bậc hiền quý còn chưa dám lộ nửa mặt,  
Hỏi thăm phong tục thì có ba điều cùng tương đồng.  
Vùng tình phận sao Cơ Vĩ chia khu vực tình tượng,  
Y quan áo mũ, càng thấy được cốt cách đạo cổ phong.* [6; 302 – 303]

Trong nhiều lần gặp gỡ sau đó, sứ thần hai nước đều nhắc đến tinh thần “đồng văn” của Việt Nam và Triều Tiên. Dù trong lịch sử, Việt Nam đã sáng tạo ra chữ viết riêng (chữ Nôm), Triều Tiên cũng sáng tạo ra chữ Hangul, nhưng nhìn chung, hai nước đều sử dụng chữ Hán làm chữ viết chính.

Sứ thần Triều Tiên là Du Tập Nhất đã viết:

*Nằm ở tình phận Chu tước cũng là khu vực đồng văn đồng quỹ,  
Học theo phép thánh của phương Bắc, mở mang ý nghĩa của Lạc thư.* [6; 191]

Hay: *Tông tri vạn quốc đồng văn quỹ (Từ xưa vốn biết muôn nước cũng là viết cùng chữ, xe cùng trục).* [6; 194]

Sứ thần Việt Nam Vũ Huy Đĩnh cũng viết: *Cánh trung đồ điệp hữu đồng văn (Lại thêm sách vở cũng cùng một thứ chữ).* [6; 223]

Thơ giao lưu xướng hoạ của Phạm Hy Lượng với Lý Dụng Túc, Phạm Hy Lượng cũng khẳng định hai nước tuy ở hai nơi vùng biển khác nhau nhưng có điểm chung là cùng chữ viết. Đó là sự an ủi cho tình bạn cao nhã gặp gỡ nơi đất kinh đô này và họ chờ tin nhau nơi xa xăm qua cánh thư.

*Người nơi chân trời gặp gỡ kết tình bạn cao nhã,  
Trong nước được an ủi là đôi bên cùng chữ viết.  
Về sau cách biệt biển đông, biển nam,  
Chờ tin nhau qua thư cánh chim Hồng.* [6; 309]

“*Xa đồng quỹ, thư đồng văn*” (tức xe cùng một cỗ bánh, sách viết cùng một lối chữ) thường xuyên được nêu ra ý nói cùng theo một chữ viết và coi đó như là một cơ sở vững chắc tạo nên tình hữu hảo giữa các sứ thần Việt Nam và Triều Tiên nói riêng và hai quốc gia nói chung.

Đồng quỹ - sự tương đồng về chế độ, y quan cũng được sứ thần hai nước nhiều lần nhắc tới và khẳng định đây là cơ sở vững chắc cho sự gần gũi, thân tình của hai nước.

Bài thơ đi sứ của Phùng Khắc Khoan họa thơ đáp lại Lý Tuý Quang nói rõ hai nước mặc dù ở phía đông và phía nam nhưng lại có cùng nền văn hiến, từ xưa đã có lệ sang triều cống Trung Quốc:

*Hai nước ở phía đông và phía nam tự xưa vốn là đất văn hiến,  
Nghìn xưa vẫn sang châu báo thiên tử.* [6; 130]

Cùng chung Nho giáo, theo đạo Khổng, vậy nên y quan – triều phục của hai nước có sự tương đồng. Điều này đã nhiều lần được nhắc tới trong các bài thơ của sứ thần hai nước. Nguyễn Đề viết:

*Kinh sử truyền lại từ trước không có chỗ khác nhau,  
Mũ áo theo lối xưa có sự tương đồng.* [8; 42]

Sau này, Hà Tông Mục trong chuyến đi sứ năm 1702 đã viết bài thơ tặng sứ thần Triều Tiên nói về ý tứ sâu xa về y quan và đạo lý:

*Nhưng đạo lý thâm sâu thì xưa vẫn là một,  
Lễ nhạc y quan lại cũng có sự tương đồng phù hợp.* [6; 179]

Sứ thần Trịnh Vũ Thuận (Triều Tiên) cũng tặng lại sứ thần Hồ Sĩ Đống bài thơ nói về tình thâm giao, sự hiểu biết lẫn nhau ngày càng sâu nặng giữa sứ thần hai nước trong mối quan hệ tương đồng văn hoá y quan:

*Trong trời đất, các vùng ấy cách xa hẳn về hai phía Đông và Nam.  
Nhưng y quan mũ áo còn mừng là giống nhau.  
Âm dung tin tức cách biệt đến trăm năm,  
Suy nhớ chuyện cũ đều thấy lòng nhớ nhưng ngong ngóng theo gió.* [6; 240 – 241]

Như vậy, sự tương đồng về chế độ và y quan được sứ thần hai nước nhắc tới nhiều lần cho thấy sự đồng điệu trong văn hoá của Việt Nam và Triều Tiên. Đặc biệt, cả hai nước từ xưa vốn có chung văn hiến, cùng chung sách vở Nho gia. Sự tương đồng về Nho học được sứ thần hai nước thường xuyên nhắc đến để mở đầu cho mỗi bài xướng họa.

Phùng Khắc Khoan khi họa thơ của Lý Tuý Quang đã viết:

*Quê hương chọn đất Lỗ đất Trâu làm quê hương,  
Giảng đạo thì cùng suy tôn thầy Khổng Tổ vương.* [6; 97]

Ý thức cùng chung đạo Nho của hai quốc gia Việt Nam và Triều Tiên còn được thể hiện rất rõ trong lần gặp gỡ giữa Lê Quý Đôn (Việt Nam) với Hồng Khai Hy, Lý Huy Trung và Triệu Vinh Tiến (Triều Tiên) năm 1760. Khi họa thơ tặng sứ thần nước Triều Tiên, Lê Quý Đôn viết:

*Khác nước mà ý chí hợp, phương hướng cùng,  
Học thuật từ xưa theo đạo của Tổ vương.  
Trọn vẹn phúc lành cùng vui ca Ngũ thiện,  
Hiền tài đâu thiếu kẻ đủ cả đức Tam trường.* [6; 207]

Và Lý Huy Trung – sứ thần Triều Tiên họa lại thơ của sứ thần Lê Quý Đôn như sau:

*Thật là may mắn được cùng là nước đồng văn, cùng luận bàn cổ tự,  
Cùng bảo tồn quy chế của thánh nhân võ về cho y quan văn hiến.* [6; 217]

Có thể nói, chế độ học hành, khoa cử của hai nước trong suốt thời kì quân chủ đều mô phỏng theo Trung Quốc và Nho giáo trở thành hệ tư tưởng chủ đạo của giai cấp thống trị. Hệ tư tưởng ấy là cơ sở lý luận để vương triều định ra các nghi lễ, luật lệ, quy phạm đạo đức xã hội, hành vi ứng xử,... Vì thế, hai nước tuy cách xa nhau về mặt địa lí nhưng các nghi lễ, quy tắc đạo đức, chế độ học hành thi cử,... có nhiều nét giống nhau.

Có thể nói, qua văn thơ xướng họa của sứ thần hai nước từ thế kỉ XVI – XVIII ta thấy nổi bật lên là sự đồng điệu về tư tưởng “đồng văn, đồng đạo, đồng quy” của Việt Nam và Triều Tiên. Nhờ có sự tương đồng đó mà sứ thần hai nước đã coi nhau như những người bạn thân tình để đồng cảm trong những ngày tháng đi sứ Trung Hoa.

### 3. Kết luận

Qua các cuộc gặp gỡ và nội dung thơ văn xướng họa của sứ thần Việt Nam và Triều Tiên trên đất Trung Hoa thế kỉ XVI – XVIII, ta nhận thấy sự giao lưu văn hoá rõ nét của hai nước. Sứ thần hai nước mặc dù người ở biển Đông người ở biển Nam, nhưng họ đã gặp nhau ở sự đồng điệu. Vì đồng điệu mà họ đã trao đổi văn chương, viết lời Tựa cho tác phẩm của nhau, tình cảm chân thành khi được tiếp xúc và đón nhận những vần thơ đáp tặng, biểu lộ sự trân trọng đối với tài năng văn chương của sứ thần nước bạn. Văn chương xướng họa của sứ thần còn cho thấy bức tranh thiên nhiên của Việt Nam và Triều Tiên gần gũi mà đẹp đẽ, con người sống nhân hậu, hiền hoà. Qua những vần thơ xướng họa, những câu chuyện vắn đáp, sứ thần hai nước cũng hiểu thêm về phong tục tập quán, lối sống sinh hoạt hàng ngày của nhau. Gặp nhau ở Yên Kinh, sứ thần hai nước đã coi nhau như bạn bè thân thiết lâu ngày gặp lại, trong điều kiện có thể, họ đã tiếp nối được truyền thống của tiền nhân, kết tình giao hảo, giao lưu văn hoá để vun đắp cho tình bạn giữa hai nước Việt Nam và Triều Tiên càng thêm thắm thiết.

**Ghi chú:** Bài viết là kết quả của đề tài cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo, mã số B2021-SPH-02.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lý Xuân Chung, 2009. *Nghiên cứu đánh giá thơ văn xướng họa của sứ thần hai nước Việt Nam và Hàn Quốc*, Luận án Tiến sĩ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
- [2] Lý Xuân Chung, 2006. “Về hai bài thơ xướng họa giữa sứ thần Việt Nam Vũ Huy Tấn và sứ thần Hàn Quốc Từ Hạo Tu”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á*, số 5 (63).
- [3] Lý Xuân Chung, 2015. “Về 9 bài thơ của Nguyễn Đề xướng họa với sứ thần Joseon (Triều Tiên)”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á*, số 10 (41).
- [4] Trần Văn Giáp, 1980. *Một số tư liệu về việc giao lưu văn hóa giữa Việt Nam và Triều Tiên*, Nxb Thái Bình.
- [5] Trịnh Khắc Mạnh, Nguyễn Đức Toàn, 2012. “Thơ xướng họa giữa sứ thần Việt – Hoàng giáp Nguyễn Đăng với sứ thần Hàn – Lý Đầu Phong”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 3 (112), 2012.
- [6] Trịnh Khắc Mạnh, Nguyễn Đức Toàn (su tầm, giới thiệu và biên dịch), 2019. *Thơ văn xướng họa giữa các sứ thần Việt Nam – Triều Tiên*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [7] Nguyễn Đức Huệ, 2009. “Cuộc tiếp xúc giữa sứ thần Việt Nam Lưu Đình Chất và sứ thần Triều Tiên Lý Đầu Phong đầu thế kỉ XVII”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 5 (96).
- [8] N. Niculin, 1987. “Quan hệ văn học Việt Nam – Triều Tiên cuối thế kỉ XVI – giữa thế kỉ XVIII”, *Tạp chí Văn học* số 2.
- [9] Nguyễn Thị Thu Thủy, Khái quát tình hình nghiên cứu ở Việt Nam về giao lưu văn hóa Việt Nam – Triều Tiên trong lịch sử, *Tạp chí Khoa học Xã hội thành phố Hồ Chí Minh*, số 1 năm 2022, tr.74-80
- [10] Nguyễn Minh Tuân, 1999. “Thêm bốn bài thơ xướng họa giữa Lê Quý Đôn và sứ thần Triều Tiên”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 4 (41).
- [11] Nguyễn Minh Tường, 2007. “Một số cuộc tiếp xúc giữa sứ thần Việt Nam và sứ thần Hàn Quốc”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 4 (41).

- [12] Nguyễn Minh Tường, 2009. “Cuộc tiếp xúc giữa sứ thần Đại Việt Lê Quý Đôn và sứ thần Hàn Quốc Hồng Khải Hy, Triệu Vinh Tiên, Lý Huy Trung tại Bắc Kinh năm 1760”. *Tạp chí Hán Nôm*, số 1 (3).

## **ABSTRACT**

### **Cultural exchange between Vietnam and Korea in the 16th – 18th centuries**

Nguyen Thi Thu Thuy<sup>1</sup> và Nguyen Thi Hong Van<sup>2</sup>

<sup>1</sup> *Faculty of History, Hanoi National University of Education*

<sup>2</sup> *Marie Curie Primary and High School, Hà Nội*

Despite being geographically separated and obstructed, the historical and cultural trajectories of Vietnam and Korea bear some resemblances. Right from the Middle Ages, the influence of Chinese civilization and the ties of tributary relations with Chinese monarchies made Vietnam and Korea have many historical and cultural similarities. Besides, the contacts between Vietnamese and Joseon envoys in China were an essential opportunity to promote cultural exchange and understanding between the two countries. Studies on cultural exchange between Vietnam and Korea throughout history have attracted interest from many researchers, most of whom focus on studying these countries' cultural exchange through contacts amongst their envoys in China. This article explores the cultural exchange between Vietnam and Korea through the contacts, meetings, and poems of the Vietnamese and Korean ambassadors in China. Cultural exchange activities are expressed in detail through the exchange of poetry and literature between the ambassadors; exchange about the political regime, history, geography, customs, and habits; introduce of the natural picture of Vietnam and Korea,...

**Keywords:** cultural exchange, Vietnam, Korea.